

# AN PHÚ XÃ - NƠI GHI DẤU NHIỀU SỰ KIỆN QUÂN SỰ TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP Ở NAM BỘ

HỒ SON ĐÀI\*

## 1. An Phú xã ở đâu?

An Phú xã là tên gọi một xã thuộc quận Hóc Môn trong giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Tên An Phú xã ra đời từ năm 1934, khi chính quyền thực dân Pháp ban hành nghị định sáp nhập làng Phú Lợi với làng An Hòa thành một trong số 189 xã của tỉnh Gia Định (1).

Từ đó về sau, tên gọi của đơn vị hành chính cấp xã này được thay đổi nhiều lần và trực thuộc nhiều tổ chức hành chính cấp huyện và tỉnh khác nhau. Năm 1947, An Phú xã sáp nhập thêm làng Thạnh An, đổi tên thành xã An Phú Thạnh, vẫn thuộc quận Hóc Môn, tỉnh Gia Định. Năm 1957, chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành Nghị định số 138- BNV-HC-ND ấn định các đơn vị hành chính của tỉnh Gia Định. Theo đó, An Phú Thạnh đổi tên thành xã Trung An, cùng các xã Bắc Hóc Môn (thuộc các tổng Long Tuy Trung, Long Tuy Thượng, Long Tuy Hạ) tách ra thành lập một quận mới, gọi là quận Củ Chi thuộc tỉnh Bình Dương. Đến tháng 12-1963, chính quyền Sài Gòn chia quận Củ Chi thành hai quận Củ Chi và Phú Hòa. Quận Củ Chi thuộc tỉnh Hậu Nghĩa và quận Phú

Hòa (trong đó có xã Trung An) thuộc tỉnh Bình Dương đến năm 1975.

Về phía cách mạng, từ sau phong trào Đồng khởi, tỉnh Gia Định sáp nhập với Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn thành Khu Sài Gòn - Gia Định; xã Trung An thuộc Khu Sài Gòn - Gia Định. Giữa năm 1965, một số xã thuộc Gò Vấp, Hóc Môn và Củ Chi được sáp nhập lại thành Phân khu Gò Môn. Phân khu Gò Môn được chia thành 5 vùng quân sự (theo thứ tự từ vùng 1 đến vùng 5), trong đó xã Trung An thuộc vùng 5. Cuối năm 1967, để chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, chiến trường Nam Bộ có sự biến động lớn về tổ chức. Các quân khu miền Đông Nam Bộ, Sài Gòn - Gia Định được giải thể để thành lập khu trọng điểm gồm các phân khu hình thành 5 cánh trên 5 hướng tiến công vào Thành phố Sài Gòn và một phân khu nội đô. Theo đó, xã Trung An thuộc Phân khu 1 (2). Giữa năm 1968, do địa bàn Củ Chi trở nên hết sức ác liệt, Phân khu 1 chia Củ Chi thành quận Nam Chi và quận Bắc Chi. Xã Trung An thuộc quận Nam Chi cũng được chia thành hai xã: Trung An 1 (gồm 4 ấp: Phú Lợi, Phú Hưng, Phú Trung, Phú Yên) và Trung An 2 (gồm 4 ấp: An Hòa, An

\* PGS.TS. Viện Nghiên cứu Đông Nam Bộ, Trường Đại học Thủ Dầu Một

Diên, An Bình và Thạnh An). Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, hai quận Nam Chi và Bắc Chi được sáp nhập lại như cũ. Riêng hai xã Trung An 1 và Trung An 2 sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng mới sáp nhập thành xã Trung An như trước.

An Phú xã có một vị trí địa lý đặc biệt, cách quận lỵ Củ Chi 10 km về hướng Đông, trung tâm Thành phố Sài Gòn 35 km về hướng Tây Bắc; phía Tây Bắc giáp xã Phú Hòa Đông bởi rạch Kinh và một đoạn ngắn phần hạ lưu rạch Láng The, phía Tây giáp xã Tân Thạnh Tây bởi Tỉnh lộ 15, phía Nam giáp xã Tân Thạnh Đông bởi Tỉnh lộ 8, phía Đông Nam giáp xã Hòa Phú, phía Đông - Đông Bắc là sông Sài Gòn, phía bên kia sông thuộc địa phận tỉnh Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương). Nằm bên bờ hữu ngạn sông Sài Gòn, giáp với các đường giao thông thủy, bộ quan trọng, từ An Phú có thể đi về nội thành Sài Gòn; di chuyển sang vùng căn cứ cách mạng Tân Mỹ, Bình Mỹ của Hóc Môn - Gia Định; Bời Lời, Trà Vong của Trảng Bàng, Dương Minh Châu - Tây Ninh; An Thành, Long Nguyên của Bến Cát - Thủ Dầu Một; chiến khu Đông Thành, Đồng Tháp Mười của các tỉnh Chợ Lớn, Tân An.

Do đặc điểm địa quân sự nêu trên, nơi đây từng được nghĩa quân Trương Quyền, nghĩa quân người Khmer Pou Kombo chọn làm căn cứ địa chống Pháp trong nửa cuối thế kỷ XIX. Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại (23-11-1940), một đơn vị thuộc quân du kích Gia Định về An Phú xã ẩn náu, giữ gìn lực lượng. Từ năm 1943, một số cán bộ Đảng của Xứ ủy Nam Kỳ như Nguyễn Văn Kinh (Thượng Vũ), Lê Thanh Dân về đây hoạt động, lãnh đạo nhân dân địa phương chuẩn bị lực lượng mọi mặt tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, gần như ngay lập tức, An

Phú xã trở thành nơi đứng chân của một số cơ quan lãnh đạo kháng chiến và lực lượng vũ trang địa phương của tỉnh Gia Định và tỉnh Thủ Dầu Một.

## 2. Nơi diễn ra hội nghị cán bộ quân sự Nam Bộ đầu tiên

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược mở đầu ở Thành phố Sài Gòn trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt phức tạp. Thực dân Pháp, với ưu thế hơn hẳn về quân số, vũ khí và kinh nghiệm trận mạc, lại vừa bước ra khỏi chiến tranh thế giới thứ hai với tư cách kẻ chiến thắng, đang tiến chiếm Thành phố Sài Gòn rồi các tỉnh Nam Bộ, Nam Trung Bộ. Nhân dân Nam Bộ, ngoài lòng yêu nước và tinh thần sục sôi cách mạng nhuộm màu sắc lãng mạn sau Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, trong tay dường như chỉ có gậy tầm vông, giáo mác. Tổ chức Đảng các cấp bị phân tán. Lực lượng vũ trang cách mạng (3) mới thành lập còn non yếu, manh nha, thiếu sự thống nhất về tổ chức, trang bị và huấn luyện quân sự. Bên cạnh đó, có không ít tổ chức vũ trang cơ hội, giả danh cách mạng xuất hiện, do các "anh chị" lực lâm thảo khấu hoặc những tên phản động đội lốt tôn giáo đứng ra thành lập, chỉ huy như: sư đoàn dân quân cách mạng (4); các đơn vị vũ trang Bình Xuyên (5); các đơn vị vũ trang giáo phái Cao Đài của Lâm Văn Phát, Đặng Quang Dương; các đơn vị vũ trang vô chính phủ như bộ đội HT.29 của Hồng Tảo...

Vấn đề sàng lọc, tập hợp tất cả các tổ chức vũ trang về một mối, thành lực lượng thống nhất để chiến đấu chống quân xâm lược Pháp trở thành nhiệm vụ hết sức khẩn trương. Trong bối cảnh lịch sử nêu trên, Nguyễn Bình đứng ra triệu tập Hội nghị cán bộ quân sự Nam Bộ.

Nguyễn Bình tên thật là Nguyễn Phương Thảo, sinh năm 1908 tại thôn An

Phú, xã Tịnh Tiến (nay là xã Giai Phạm), huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Ông vào Nam ngày 20-10-1945, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược diễn ra chưa đầy 1 tháng. Trước đó, Nguyễn Bình là Tư lệnh Chiến khu Đông Triều (Chiến khu Trần Hưng Đạo), Chỉ huy trưởng quân sự Thành phố Hải Phòng và liên tỉnh duyên hải Đông Bắc.

Vào đến Nam Bộ, thoát tiên, Nguyễn Bình liên hệ với một số cán bộ yêu nước tại Thủ Dầu Một, là nhà giáo Đoàn Hữu Chương, sinh viên Võ Bá Nhạc (con rể của Đoàn Hữu Chương), chỉ huy trưởng lực lượng công an và Cộng hòa vệ binh Huỳnh Kim Trương... Ngày 23-10-1945, Thị xã Thủ Dầu Một bị thực dân Pháp tái chiếm, từ Chánh Lưu, Nguyễn Bình lánh về Sở Cao su Võ Thành Tây (Bưng Cầu - Thủ Dầu Một). Tại đây, ông cùng cùng một số cán bộ địa phương họp bàn việc chuẩn bị cho hội nghị quân sự đầu tiên tại Nam Bộ.

Lấy tư cách phái viên của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Bình triệu tập Hội nghị cán bộ quân sự Nam Bộ nhằm thống nhất các lực lượng vũ trang kháng chiến và phương hướng, kế hoạch chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược.

Hội nghị diễn ra vào ngày 20-11-1945, tại địa điểm nhà của ông Hồ Văn Thơ tại ấp Phú Trung, An Phú xã, quận Hóc Môn, tỉnh Gia Định. Dự hội nghị có 49 đại biểu quân - dân - chính ở miền Đông Nam Bộ (do khó khăn về thông tin liên lạc, các đại biểu miền Trung Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ không kịp nhận được thông báo về dự họp). Thành phần các đại biểu dự họp gồm:

- Cán bộ do Trung ương cử vào Nam Bộ: Vũ Đức (6), Nguyễn Bình (7).

- Liên tỉnh ủy Đông Nam Bộ: Trần Ngọc Danh, Nguyễn Đức Thuận.

- Ủy ban Kháng chiến, Mặt trận Việt Minh các tỉnh: Nguyễn Văn Công, Nguyễn Văn Dung (Gia Định); Phan Đình Công (Biên Hòa); Vương Anh Tuấn, Huỳnh Kim Trương (Thủ Dầu Một); Huỳnh Văn Đạo, Nguyễn Thuận Thảo (Bà Rịa); Huỳnh Văn Một (Chợ Lớn);...

- Các đơn vị vũ trang kháng chiến: Trịnh Đình Hoa, Nguyễn Đình Thâu, Bửu Kính (Mặt trận Sài Gòn); Trần Văn Trà, Tô Ký, Cao Đức Luốc, Nguyễn Thước (Liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa); Huỳnh Văn Nghệ (bộ đội Tân Uyên); Trương Văn Bang (bộ đội Cần Giuộc); Nguyễn Văn Đẩu (bộ đội tỉnh Tây Ninh); Huỳnh Văn Trí (bộ đội Bà Quẹo); Đặng Văn Thúc, Huỳnh Văn Sai, Nguyễn Minh Sanh (bộ đội An Phú xã); Lương Văn Trọng, Nguyễn Văn Hội (bộ đội Bình Xuyên); Trương Văn Giàu, Nguyễn Văn Quặng (Cộng hòa vệ binh); Phạm Hữu Đức, Nguyễn Thành Giang (Đệ tam sư đoàn); Lý Hữu Phương, Phạm Tự Do (Đệ tứ sư đoàn); Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Thành Phương (Cao Đài tỉnh Tây Ninh);...

- Cán bộ, chiến sĩ cùng đi với Nguyễn Bình: Phạm Thiều, Võ Bá Nhạc, Nguyễn Sơn Xuyên, Hồ Văn Huê, Ngô Văn Quý, Vũ Công Định (tức Vũ Hải Sơn),... (8).

Chủ tọa hội nghị: Nguyễn Bình, Thư ký: Cung Khắc Chính, Lê Hằng. Sau khi thảo luận, Hội nghị biểu quyết chủ trương:

Về chính trị: củng cố lại chính quyền cách mạng các cấp, tập hợp các đảng phái trong mặt trận chung chống Pháp, thống nhất chương trình hành động xây dựng tiềm lực kháng chiến và xây dựng căn cứ địa.

Về quân sự: thống nhất các lực lượng vũ trang thành Giải phóng quân Nam Bộ do Nguyễn Bình làm Tư lệnh, Vũ Đức (Hoàng Đình Dong) làm Chính ủy, Nguyễn Thành Phương làm Phó Tư lệnh. Các đơn vị vũ

trang tổ chức thành chi đội (tương đương trung đoàn, mỗi chi đội có 3 đại đội, mỗi đại đội có 3 trung đội, mỗi trung đội có 3 phân đội, mỗi phân đội có 3 tiểu đội). Mỗi chi đội hoạt động gắn với địa bàn mỗi tỉnh, riêng các sư đoàn dân quân cách mạng và Bình Xuyên, Cao Đài phân chia địa bàn hoạt động tránh chồng chéo, tập trung vào một nơi. Trước mắt, thành lập Chi đội 1 tại tỉnh Thủ Dầu Một.

Về kinh tế: lấy máy móc, vật liệu cao su để xây dựng binh công xưởng, quy định phương thức bảo đảm quân lương và thu thuế trong nhân dân (9).

Ngay tại hội nghị, nhân danh Tư lệnh Giải phóng quân Nam Bộ, Nguyễn Bình công bố 3 văn kiện: Lời thề cứu nước (10), Thông báo số 1 (11) và Thông báo số 2. Trong Thông báo số 2, Nguyễn Bình viết: "Hịch chống xâm lăng có 3 điều chống: 1. Chống hợp tác với giặc; 2. Chống tổ chức và hoạt động vô chánh phủ; 3. Chống khủng bố, ức hiếp nhân dân. Từ ngày 20-11-1945, các lực lượng vũ trang sẽ thống nhất quân hiệu: *Giải phóng quân Nam Bộ*. Ngoài lực lượng chánh quy, các tỉnh còn tổ chức các đơn vị trợ chiến gồm dân quân du kích, gọi tắt là dân quân. Các tổ chức vũ trang nhiều hay ít, tập thể hay cá nhân không nằm trong hệ thống Quân giải phóng kể trên coi như hoạt động bất hợp pháp, phải giải tán để tránh tình trạng manh động, vô chánh phủ" (12).

Hội nghị An Phú xã có ý nghĩa lịch sử quan trọng. Tuy chưa đặt lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản, chưa phân biệt các tổ chức vũ trang cách mạng với những đơn vị có thành phần hợp thành phức tạp và ngăn chặn quá trình tan rã, thổ phỉ hóa hoặc hàng giặc của các "sư đoàn dân quân cách mạng", nhưng hội nghị An Phú Xã đã có tác dụng lớn: bước đầu thống nhất các lực

lượng vũ trang ở Nam Bộ về một mối, thống nhất hình thức tổ chức lực lượng, phân công địa bàn hoạt động, và động viên tinh thần kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, củng cố niềm tin của cán bộ và quần chúng đối với sự sự nghiệp kháng chiến ở Nam Bộ.

### 3. Nơi đặt căn cứ của Bộ Tư lệnh Giải phóng quân Nam Bộ

Sau hội nghị Quân sự Nam Bộ đầu tiên ngày 20-11-1945, Nguyễn Bình quyết định chọn An Phú xã làm nơi đứng chân, xây dựng căn cứ của Bộ Tư lệnh Giải phóng quân Nam Bộ. "Tổng hành dinh", nơi ở và làm việc của Nguyễn Bình và các bộ phận trực thuộc (Văn phòng - Võ Bá Nhạc phụ trách, Võ phòng - Lâm Thái Hoà phụ trách) đặt tại nhà ông Hồ Văn Thơ ở ấp Phú Trung. Các bộ phận khác được chọn đặt tại nhà dân ở khu vực xung quanh. Cụ thể: Báo *Giải phóng* (Phạm Thiệu làm Chủ bút đặt ở Giồng Riềng, ấp Phú Hưng), Quân khí (Đặng Văn Thúc phụ trách, đặt tại nhà ông Hồ Trọng Nhân, ấp Phú Trung); Binh công xưởng (đặt tại nhà các ông Chín Ngũ, ấp Phú Yên); Quân y (đặt tại nhà ông út Quả, ấp Phú Yên), Quân lương (đặt tại khu vực vàm Láng The sông Sài Gòn) (13).

Lực lượng bảo vệ "Tổng hành dinh", ngoài 4 tiểu đội (khoảng 70 người) thường xuyên túc trực, còn có các đơn vị bộ đội đóng xung quanh căn cứ gồm: 1 trung đội bộ đội địa phương (khoảng 50 quân do Vũ Công Định chỉ huy) đóng tại Giồng Riềng; 1 trung đội bộ đội Triệu Cải đóng tại Thạnh Hòa (sau đó, đơn vị này về hoạt động tại Sài Gòn và đổi tên là Trung đội cảm tử Nguyễn Bình); 1 trung đội bộ đội Nguyễn Minh Sanh đóng tại An Hòa; 1 đại đội bộ đội Huỳnh Kim Trương đóng tại An Hiệp; 1 trung đội bộ đội Hoàng Thọ đóng ở Thạnh Hòa.

Phối hợp với lực lượng bảo vệ căn cứ, Chi bộ Đảng An Phú xã chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, mỗi ấp có từ một đến hai tiểu đội dân quân. Các tiểu đội dân quân này ngày đêm tổ chức tuần tra canh gác để giữ gìn trật tự, an toàn xóm ấp. Dọc sông, rạch, tại các địa điểm như Vườn Tiêu, Lò Lá, Lò Ghè, Cây Trám, ngã ba Đình, Vàm Láng The, bộ đội và du kích xây dựng các vọng gác. Trong các ấp cũng có các trạm gác, mỗi trạm luôn có từ 2 đến 3 người thay phiên nhau trực làm nhiệm vụ quan sát đánh mồi hoặc thổi tù và báo hiệu khi có địch. Lực lượng dân quân còn xây dựng những bãi cọc ở các vàm lớn như Vàm Ông Chi, Vàm Rạch Kè, Vàm Láng The... nhằm ngăn cản tàu chiến của địch tiến vào xã.

Từ "Tổng hành dinh" An Phú xã, Tư lệnh Giải phóng quân Nam Bộ chỉ đạo các đơn vị vũ trang kiện toàn lực lượng, xây dựng thành các chi đội, mở trường quân chính đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho các đơn vị bộ đội và dân quân các địa phương. Đồng thời, Tư lệnh Nguyễn Bình trực tiếp đi vào Sài Gòn khảo sát, chỉ đạo tổ chức lực lượng vũ trang nội thành dưới hình thức tổ chức "đội" hoặc "Ban" với những tên gọi khác nhau: Trinh sát, Hành động, Cảm tử, Phá hoại, Trừ gian, ám sát... Nhiệm vụ của các đội hoặc Ban này là vừa tác chiến tiêu diệt địch, vừa làm trinh sát, liên lạc, phát động quần chúng, xây dựng cơ sở nội thành. Các đơn vị nói trên được biên chế trong Trung đội cảm tử Nguyễn Bình I, Trung đội cảm tử Nguyễn Bình II, Ban trinh sát vũ trang số 1, Ban trinh sát vũ trang số 2, Ban công tác liên xã Tân Sơn Nhì - Bà Quẹo... Đây chính là những đơn vị tiên thân của lực lượng Biệt động Sài Gòn.

Vừa chấn chỉnh, xây dựng lực lượng, tại An Phú xã, Tư lệnh Giải phóng quân Nam Bộ vừa chỉ đạo các đơn vị vũ trang chiến đấu chống quân Pháp mở rộng phạm vi đánh chiếm, lấy vũ khí của địch để trang bị cho bộ đội. Có thể kể tên các trận chiến đấu chống càn và phục kích giao thông như: Trận Bàu Đồn (Tây Ninh), Bến Ông Khương (Thủ Dầu Một), Đúc Hòa (Chợ Lớn), An Phú Đông, Long Phước Thôn, Trung Hưng-Ràng (Gia Định), Tân Uyên (Biên Hòa), Mộc Hóa (Tân An), Long Khánh (Mỹ Tho), Phong Mỹ (Sa Đéc), Kiểng Phước (Gò Công), Hóa An, Bình Đại (Bến Tre), Cây Bàng-U Minh (Rạch Giá), Bình Thủy (Cần Thơ), Búng Tàu (Sóc Trăng), Mây Dốc, Cái Tàu (Bạc Liêu)... Tại Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, các Ban, đội tổ chức vũ trang tuyên truyền, đánh phá kho tàng, diệt Việt gian phản động, trừng trị gián điệp, thực dân gian ác. Tiêu biểu nhất là trận tấn công trụ sở Cao Ủy Pháp D'Argenlieu đặt tại Phòng thương mại cũ, trận tấn công và thiêu hủy trại lính Pháp trên đường Frédéric Drouhet...

Đầu tháng 12-1945, quân Pháp tiếp tục nhận thêm viện binh. Dựa vào ưu thế áp đảo về lực lượng và phương tiện chiến tranh, chúng tiếp tục đưa quân đánh chiếm các vùng nông thôn, đồn điền cao su, mở rộng khu vực kiểm soát dọc theo quốc lộ xuống đồng bằng sông Cửu Long, ra vùng cực Nam Trung Bộ. Trước tình hình trên, ngày 10-12-1945, tại Bình Hoà Nam bên bờ hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập hội nghị mở rộng. Dự hội nghị có Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Hoàng Quốc Việt cùng nhiều xứ ủy viên, cán bộ quân sự ở Nam Bộ. Hội nghị quyết định giải thể Ủy

ban kháng chiến Nam Bộ, thành lập Ủy ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam; đồng thời chia Nam Bộ thành 3 khu 7, 8, và 9, chỉ định khu trưởng và chủ nhiệm chính trị bộ từng khu. Khu 7 (còn gọi là Chiến khu 7), một tổ chức hành chính - quân sự ra đời gồm Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh. Bộ Tư lệnh Khu 7 gồm: Nguyễn Bình - khu bộ trưởng, Trần Xuân Độ - chủ nhiệm chính trị bộ, Dương Văn Dương - khu bộ phó (14).

Từ Bình Hòa Nam trở về, Nguyễn Bình ký ban hành thông báo hủy quyết nghị An Phú xã ngày 20-11 để chấp hành chủ trương mới của Xứ ủy Nam Bộ. Ông cũng quyết định rời An Phú xã, đặt sở chỉ huy Khu 7 tại căn cứ mới ở Chiến khu Đ (Biên Hòa). Tháng 4-1946, khi Chiến khu Đ bị quân Pháp bao vây tiến công liên tục, Khu bộ trưởng Nguyễn Bình còn quay trở lại An Phú xã lập căn cứ một lần nữa, trước khi chuyển sở chỉ huy Khu 7 về quân khu Đông Thành, Đồng Tháp Mười.

## CHÚ THÍCH

(1). Nguyễn Đình Đầu, *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 97.

(2). Phân khu 1 nằm trên hướng Đông Bắc Sài Gòn, gồm các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Gò Vấp (Gia Định), Bến Cát, Dầu Tiếng (Bình Dương), Trảng Bàng (Tây Ninh).

(3). Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn: có các đội tự vệ chiến đấu và quốc gia tự vệ cuộc, Xung phong Công đoàn (do Nguyễn Lưu chỉ huy), Cộng hòa vệ binh (Đệ nhất Sư đoàn Dân quân Cách mạng), các đội trinh sát vũ trang, trừ gian, cảm

Có thể nói rằng, do những yếu tố thuận lợi về địa chính trị, quân sự mà An Phú xã được chọn làm nơi tổ chức hội nghị cán bộ quân sự Nam Bộ đầu tiên và đặt sở chỉ huy của Bộ Tư lệnh Giải phóng quân Nam Bộ. Các sự kiện quân sự quan trọng nói trên gắn liền với hoạt động thống nhất lực lượng vũ trang ở Nam Bộ trong giai đoạn đầu kháng chiến. Hoạt động ấy gắn liền với vai trò của Tư lệnh Nguyễn Bình (15), như đánh giá của Thượng tướng Trần Văn Trà, người có mặt trong hội nghị An Phú xã ngày 20-11-1945: "Mỗi giai đoạn lịch sử có con người của nó. Trong thời kỳ "Thập nhị sứ quân", nếu không có Nguyễn Bình, khó có người làm nổi. Với tư cách là phái viên Trung ương được Bác Hồ cử vào Nam Bộ, cộng với bản lĩnh riêng của mình, Nguyễn Bình đã giải quyết được nhiều vấn đề lớn đặt ra trong giai đoạn đầu kháng chiến" (16). Những "vấn đề lớn" ấy của Tư lệnh Nguyễn Bình gắn với một trong những địa danh nổi tiếng ở Nam Bộ: An Phú xã!

tử. Tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ: bộ đội Tô Ký, Nguyễn Văn Công, Đào Sơn Tây, Dương Văn Dương ở Gia Định; Trương Văn Bang, Hồng Sơn Đổ, Nguyễn Văn Mạnh, Huỳnh Văn Một ở Chợ Lớn; Huỳnh Văn Đạo, Hoàng Tiêu ở Bà Rịa; Lê Ngọc Châu, Nguyễn Văn Lung, Lương Văn Nho, Đinh Quang Ân, Huỳnh Văn Nghệ ở Biên Hòa; Nguyễn Văn Thi, Đoàn Hữu Hòa, Lê Đức Anh, Huỳnh Kim Trương ở Thủ Dầu Một; Nguyễn Đức Hình, Trần Minh Ngọc, Nguyễn Công Bằng, Trần Văn Đầu ở Tây Ninh. Ngoài ra, còn có chi đội Nam tiến do Nam Long.

Tại các tỉnh miền Trung Nam Bộ: bộ đội Lê Văn Tưởng, Hồ Tấn Điền, Nguyễn Văn Siêu, Phan Đông Sơ ở Tân An; Lê Chí Giảng ở Mỹ Tho; Đoàn Hồng Phước, Nguyễn Văn Sĩ ở Gò Công; Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Ngọc Thanh ở Trà Vinh; Đồng Văn Cống ở Bến Tre; Nguyễn Hữu Xuyên, Trần Văn Vi, Phan Đình Lân, Dương Hồng Tăng, Phạm Ngọc Hưng ở Sa Đéc. Tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ: mỗi tỉnh đều có 1 đại đội, ngoài ra còn có các đơn vị vũ trang nhỏ lẻ khác mới được thành lập như bộ đội Nguyễn Văn Đức, Võ Quang Anh ở Cần Thơ; Nguyễn Hùng Phước ở Sóc Trăng; Đinh Công Thuởng ở Bạc Liêu; Hồng Cẩm Hòa, Là Văn Phác, Trần Đình Khôi ở Châu Đốc; Huỳnh Văn Thủ, Nguyễn Văn Trản ở Rạch Giá; Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Lầu, Đào Công Tâm ở Long Xuyên; và đơn vị Nam tiến của Nguyễn Bá, Tăng Thiên Kim.

(4). Ngoài “Đệ nhất sư đoàn dân quân cách mạng” gồm 3 đoàn bảo an binh đi theo cách mạng từ trong ngày Tổng khởi nghĩa 25-8-1945, có “Đệ nhị sư đoàn” (tổ chức vũ trang do nhóm Đại Việt - tay sai cũ của Nhật - tuyển mộ thanh niên, binh lính cũ thành lập, quân số có khoảng 1.000 người với 100 súng trường, 1 khẩu trung liên, do Vũ Tam Anh, một thủ lĩnh của đảng Đại Việt chỉ huy); “Đệ tam sư đoàn” (nguyên là “Thanh niên phòng vệ đoàn”, một tổ chức thanh niên vũ trang do Nhật thành lập trước tháng 8-1945, quân số khoảng 8.000 người, với 100 súng các loại, do Nguyễn Hòa Hiệp, một thủ lĩnh của Quốc dân đảng và là nhân viên Phòng Nhì của Pháp chỉ huy); “Đệ tứ sư đoàn” (thành lập trên cơ sở tập hợp một số binh lính cũ của Pháp và Nhật, những người có tư tưởng Trotskyist, những phần tử phản động đội lốt tôn giáo ở các địa phương Nam bộ, quân số khoảng 5.000 người, trang bị hơn 50 súng trường, do Lý Huê Vinh, vốn là một

thám của Nhật thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 chỉ huy).

(5). Các băng nhóm trộm cướp giang hồ do những thủ lĩnh “anh chị” chỉ huy như Huỳnh Văn Trí, Lê Văn Viễn, Nguyễn Văn Hoành, Trần Văn Đồi, Võ Văn Môn...

(6). Vũ Đức tên thật là Hoàng Đình Giong, người dân tộc Tày, sinh năm 1904, tại làng Thâm Hoảng, xã Hạ Hoàng (nay là phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng). Hoàng Đình Giong là đảng viên Đông Dương Cộng sản Đảng năm 1929, dẫn đầu đoàn đại biểu Xứ ủy Bắc Kỳ tham dự Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương tổ chức tại Ma Cao (Trung Quốc) tháng 3-1935 và được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tháng 10-1945, được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ làm Chỉ huy trưởng Bộ đội Nam tiến vào miền Nam chống thực dân Pháp xâm lược.

(7). *Tình hình Nam Bộ 1945-1947*, Lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, tài liệu 172/LS-18, tr. 21.

(8). Ban liên lạc đồng hương Hải Phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh, *Nguyễn Bình - Trung tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2004, tr. 283, 284.

(9). *Báo cáo tình hình quân sự Khu 7 từ ngày 25-8-1945 đến 6-3-1946*. Lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, tài liệu 177/LS-19, tr. 23, 24, 25.

(10). Nguyễn văn *Lời thề cứu nước* “Chưa thành công ta quyết chưa lui về. Nam Bộ mất, ta sẽ vì Nam Bộ chết. Để vì dân tận diệt kẻ thù. Để vì nước hủy mình không sống nhục”.

(11). Thông báo số 2 có đoạn: “Đây là cuộc toàn dân kháng chiến cứu nước, không phân biệt già, trẻ, gái, trai. Đồng bào hãy đồng tâm quyết đánh và quyết thắng. Chống giặc tại nhà, tại làng, thôn, ấp, suối, rừng. Không cộng tác với giặc, không

buôn bán, làm công cho giặc. Thực hiện triệt để vườn không nhà trống. Đối với địch, thực hiện 3 không: không nghe, không thấy, không biết. Đánh địch bằng mọi thứ vũ khí, không có súng thì dùng dao, cuốc, xẻng, gậy gộc... Chúng ta quyết đánh và quyết thắng”.

(12). Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, *Biên niên sự kiện lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1945-1975)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 48.

(13). Nguyễn Văn Đức, *Di tích lịch sử căn cứ địa cách mạng An Phú xã trong thời kỳ đầu Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (23/9/1945 - 19/12/1946)*. Trong Kỷ yếu hội thảo khoa học *Di tích lịch sử khu lưu niệm Trung đội Gò Môn và căn cứ An Phú xã*, lưu trữ Trung tâm Bảo tồn di tích Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.

(14). Khu 8 gồm các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre, Sa Đéc do Đào Văn Trường làm Khu bộ trưởng, Lê Văn Sĩ làm Chính trị bộ chủ nhiệm, Trương Văn Giàu làm Khu bộ phó. Khu 9 gồm các tỉnh Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch

Giá, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu do Vũ Đức (Hoàng Đình Giong) làm Khu bộ trưởng, Phan Trọng Tuệ làm Chính trị bộ chủ nhiệm, Nguyễn Ngọc Bích làm Khu bộ phó.

(15). Năm 1948, Nguyễn Bình được Chủ tịch Hồ Chí Minh sắc phong quân hàm Trung tướng và giữ chức vụ Tư lệnh Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Ông hy sinh ngày 29-9-1951 tại Campuchia trên đường ra Việt Bắc nhận nhiệm vụ mới. Năm 2000, hài cốt của ông được đưa về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ Thành phố Hồ Chí Minh. Ông còn được Nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân.

(16). Dẫn theo ThS. Trần Thị Lan, *Một số địa điểm ghi dấu sự kiện lịch sử tiêu biểu tại vùng căn cứ cách mạng An Phú xã - xã Trung An - trong chiến tranh giải phóng dân tộc (1945-1975)*. Trong Kỷ yếu hội thảo khoa học *Di tích lịch sử khu lưu niệm Trung đội Gò Môn và căn cứ An Phú xã*, lưu trữ Trung tâm Bảo tồn di tích Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.